

Bản án số: 526/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Bé
2. Ông Hoàng Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân -Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 893/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị S, sinh năm: 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Đường A, phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Dương Phước Long E, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường A, phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Đoàn Thị S trình bày:

Bà và ông Dương Phước Long E sống chung từ năm 1994, đến năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 080, quyển số 01 vào ngày 03/11/2006.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không hòa hợp, thường xuyên tranh cãi, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông E có người phụ nữ khác. Đến nay, tình cảm hai bên không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không thể hàn gắn được, đã sống ly thân với nhau từ tháng 6/2019 nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông E.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Dương Thị Kim N, sinh ngày 17/3/1996 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Dương Phước Long E đến Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp về việc kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Dương Phước Long E đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Dương Phước Long E.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Dương Thị Kim N, sinh ngày 17/3/1996 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Dương Phước Long E vắng mặt tại phiên tòa.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng, Tòa án có vi phạm về thời hạn xét xử vụ án. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đoàn Thị S được ly hôn với ông Dương Phước Long E; Về con chung: Có 01 người con chung tên Dương Thị Kim N, sinh ngày 17/3/1996 đã trưởng thành; Về tài sản chung, về nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu. Án phí hôn nhân và gia đình bà Đoàn Thị S phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn là ông Dương Phước Long E, sinh năm: 1972, cư trú tại: Đường A, phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a

Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9.

- Về tố tụng: Ông Dương Phước Long E đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông E.

- Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ thì bà S và ông E đã chung sống với nhau từ năm 1994 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 080, quyển số 01 vào ngày 03/11/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Đoàn Thị S và ông Dương Phước Long E là hợp pháp.

Xét quá trình sống chung giữa các bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không dung hòa được mà càng kéo dài càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa bà S và ông E đã trầm trọng, cuộc sống chung thực sự không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông E đến Tòa án để tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa nhưng ông E vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện, ông E không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, chưa thực sự coi trọng tình nghĩa vợ chồng. Do đó, việc bà S yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông E là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Dương Thị Kim N, sinh ngày 17/3/1996 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà S trình bày đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Bà S trình bày không có. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến của ông E nên Hội đồng xét xử không xem xét mà tách ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đoàn Thị S phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà Đoàn Thị S được ly hôn với ông Dương Phước Long E.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 080, quyển số 01 vào ngày 03/11/2006 do Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Đoàn Thị S và ông Dương Phước Long E không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Dương Thị Kim N, sinh ngày 17/3/1996 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đoàn Thị S phải nộp án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đoàn Thị S đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0026637 ngày 04/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9. Bà Đoàn Thị S đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- Chi cục THADS Q.9;
- VKSND Q.9;
- UBND xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tùng

